CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VINABID

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VINABID

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINABID TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109526545

3. Ngày thành lập: 17/02/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 67 ngõ 132 Đường Cầu Diễn, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0988114210* Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
2.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
3.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*
4.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
5.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	*1701*
6.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	*1702*
7.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	*1709*
8.	In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	*1811*
9.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ dập khuôn tem)	*1812*
10.	Sao chép bản ghi các loại (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	*1820*
11.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	*2211*
12.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	*2391*
13.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	*2392*
14.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	*2393*
15.	Đúc sắt, thép	*2431*
16.	Đúc kim loại màu	*2432*
17.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
18.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
19.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	*2593*

20.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	*2599*
21.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
22.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*
23.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	*2640*
24.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	*2651*
25.	Sản xuất đồng hồ	*2652*
26.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	*2660*
27.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	*2670*
28.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	*2680*
29.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	*2710*
30.	Sản xuất pin và ắc quy	*2720*
31.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	*2731*
32.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	*2732*
33.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	*2733*
34.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	*2740*
35.	Sản xuất đồ điện dân dụng	*2750*
36.	Sản xuất thiết bị điện khác	*2790*
37.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	*2817*
38.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	*2818*
39.	Sản xuất máy thông dụng khác	*2819*
40.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
41.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	*3211*
42.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	*3212*
43.	Sản xuất nhạc cụ	*3220*
44.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	*3230*
45.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	*3240*
46.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế	*3250*
47.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
48.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
49.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
50.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
51.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	*3315*

52.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
54.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
55.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
56.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
57.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
58.	Xây dựng công trình điện	*4221*
59.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
60.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
61.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
62.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
63.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
64.	Phá dỡ	*4311*
65.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	*4312*
66.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
67.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
68.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
69.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
70.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*
71.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	*4511*
72.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đấu giá)	*4512*
73.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	*4513*
74.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	*4520*
75.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	*4530*
76.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	*4541*
77.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
78.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	*4543*
79.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên) Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	*4610*

80.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	*4620*
81.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
82.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
83.	Bán buôn đồ uống (trừ loại nhà nước cấm)	*4633*
84.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	*4634*
85.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
86.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	*4649*
87.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
88.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652(Chính)*
89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
90.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*4659*
91.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	*4662*
92.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
93.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	*4669*
94.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	*4690*
95.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
96.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4719*
97.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*
98.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
99.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	*4723*
100.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	*4724*
101.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	*4730*
102.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
103.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4742*
104.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	*4751*
105.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
106.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4753*
107.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*

108.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4761*
109.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	*4762*
110.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	*4763*
111.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại Nhà nước cấm)	*4764*
112.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*
113.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Cơ sở bán lẻ thuốc	*4772*
114.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	*4773*
115.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá)	*4774*
116.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	*4781*
117.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	*4782*
118.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	*4783*
119.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	*4784*
120.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	*4785*
121.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ đấu giá)	*4789*
122.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	*4791*
123.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	*4799*
124.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
125.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú	*5510*
126.	Cơ sở lưu trú khác	*5590*
127.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường)	*5610*
128.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
129.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*

130.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar)	*5630*
131.	Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)	*5820*
132.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	*6190*
133.	Lập trình máy vi tính	*6201*
134.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
135.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	*6209*
136.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
137.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	*7730*
138.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
139.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	*8211*
140.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	*8219*
141.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức họp báo)	*8230*
142.	Dịch vụ đóng gói	*8292*
143.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	*9511*
144.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	*9512*
145.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	*9521*
146.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	*9522*
147.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	*9523*
148.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	*9524*
149.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	*9529*

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÒ THỊ ĐÀO	Bản Co Lẹ, Xã Nậm Mạ, Huyện Sìn Hồ, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	51.000	510.000.000	34,000	045178113	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	51.000	510.000.000	34,000		
2	NGUYỄN ANH DŨNG	Thôn Nguyên Xá, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	49.500	495.000.000	33,000	001092000363	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	49.500	495.000.000	33,000		

3	TRẦN VĂN VỌNG	Thôn Xuân Thắng, Xã Giao Xuân, Huyện Giao Thuỷ, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	49.500	495.000.000	33,000	162852670	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	49.500	495.000.000	33,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN ANH DŨNG Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/10/1992* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001092000363*

Ngày cấp: *03/01/2014* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Nguyên Xá, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Nguyên Xá, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội